

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Thế Giới Số

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 45

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302861742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết Số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 195 - 197 Đường Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại các Thành phố Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên độc lập
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên độc lập

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Tùng	Chủ tịch
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Kiện Phương	Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt
Bà Đặng Kiện Phương

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

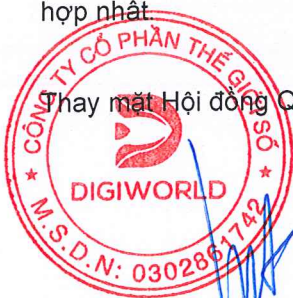
Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 11540875/67466324-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thế Giới Số (“Công ty”) và các công ty con (“Nhóm Công ty”) được lập ngày 28 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 45, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2023-004-1



Nguyễn Thùy Trang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3213-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.802.459.424.682	5.782.350.104.857
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	1.450.368.646.470	827.783.770.177
111	1. Tiền		186.908.731.279	281.783.199.598
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.263.459.915.191	546.000.570.579
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.167.314.636.574	1.578.780.707.157
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	1.981.650.094.151	1.495.983.810.520
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	92.224.724.578	37.475.210.563
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	41.528.419.000	23.719.520.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	95.491.009.187	64.906.131.168
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 8	(43.579.610.342)	(43.303.965.094)
140	III. Hàng tồn kho	9	3.016.488.601.516	3.254.338.593.622
141	1. Hàng tồn kho		3.143.484.530.184	3.444.696.834.978
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(126.995.928.668)	(190.358.241.356)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		168.287.540.122	121.447.033.901
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	15.516.149.231	27.076.513.096
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		151.333.893.564	93.498.790.623
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.437.497.327	871.730.182

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		656.573.542.430	573.071.018.691
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		14.863.131.582	22.404.577.034
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	14.863.131.582	22.404.577.034
220	II. Tài sản cố định		131.009.469.030	95.633.913.128
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	38.258.867.224	32.282.943.499
222	Nguyên giá		83.995.714.753	70.980.186.026
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(45.736.847.529)	(38.697.242.527)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	92.750.601.806	63.350.969.629
228	Nguyên giá		105.972.874.734	69.168.297.228
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(13.222.272.928)	(5.817.327.599)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		14.909.126.190	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	14.909.126.190	-
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		18.832.995.883	70.627.336.629
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	14	18.832.995.883	62.083.786.629
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	8.543.550.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		476.958.819.745	384.405.191.900
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	20.439.951.286	8.959.419.363
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	72.645.158.977	89.142.419.270
268	3. Tài sản dài hạn khác		31.312.693.640	9.248.006.055
269	4. Lợi thế thương mại	15	352.561.015.842	277.055.347.212
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7.459.032.967.112	6.355.421.123.548

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.832.182.530.822	3.932.139.390.271
310	I. Nợ ngắn hạn		4.816.000.244.315	3.882.267.103.764
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	1.529.744.021.637	1.210.401.214.640
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	138.521.125.899	95.943.311.704
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	31.257.495.083	38.651.778.315
314	4. Phải trả người lao động		30.923.720.210	28.120.828.619
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	236.902.340.737	306.510.997.307
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	247.446.844
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	527.159.347.862	287.565.150.342
320	8. Vay ngắn hạn	20	2.321.492.192.887	1.914.826.375.993
330	II. Nợ dài hạn		16.182.286.507	49.872.286.507
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	7.768.629.427	5.858.629.427
338	2. Vay dài hạn	20	5.500.000.000	41.100.000.000
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27.3	2.913.657.080	2.913.657.080
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.626.850.436.290	2.423.281.733.277
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	2.626.850.436.290	2.423.281.733.277
411	1. Vốn cổ phần		1.672.244.430.000	1.632.299.430.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.672.244.430.000	1.632.299.430.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		61.233.761.416	61.233.761.416
415	3. Cổ phiếu quỹ		(6.439.937.166)	(6.302.937.166)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		400.000.000	400.000.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		866.943.855.710	706.724.931.528
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		512.551.377.644	22.941.644.446
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		354.392.478.066	683.783.287.082
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		32.468.326.330	28.926.547.499
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		7.459.032.967.112	6.355.421.123.548

Trần Quế Tâm

Trần Quế Tâm
Người lập

Vũ Thị Mai Hân

Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	18.867.240.821.638	22.107.364.604.910
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(49.765.473.917)	(79.229.675.376)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	18.817.475.347.721	22.028.134.929.534
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(17.257.979.824.162)	(20.365.038.536.063)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.559.495.523.559	1.663.096.393.471
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	194.553.722.080	209.046.617.972
22 23	7. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	25	(139.371.754.796) (122.212.057.838)	(144.032.907.196) (94.462.125.254)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết	14	(3.063.888.134)	(1.826.431.065)
25	9. Chi phí bán hàng	24	(943.855.496.764)	(722.407.497.398)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(198.420.426.467)	(135.818.669.800)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		469.337.679.478	868.057.505.984
31	12. Thu nhập khác		11.079.388.836	2.080.047.652
32	13. Chi phí khác		(9.847.644.196)	(7.769.877.426)
40	14. Lợi nhuận (lỗ) khác		1.231.744.640	(5.689.829.774)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		470.569.424.118	862.367.676.210
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(91.481.029.554)	(175.167.174.169)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	27.3	(16.497.260.293)	(3.598.155.250)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		362.591.134.271	683.602.346.791

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		354.392.478.066	683.783.287.082
62	20. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát		8.198.656.205	(180.940.291)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	2.161	4.219
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	29	2.161	4.219



Trần Quế Tâm
Người lập



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		470.569.424.118	862.367.676.210
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	11, 12, 15	42.249.627.066	8.683.235.914
03	Dự phòng		(63.086.667.440)	167.417.055.113
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.872.651.571)	(2.514.955.410)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(70.859.124.394)	(43.534.235.455)
06	Chi phí lãi vay	25	122.212.057.838	94.462.125.254
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		498.212.665.617	1.086.880.901.626
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(596.711.245.220)	335.120.453.871
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		308.681.974.379	(487.659.305.399)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		532.855.189.086	(1.731.603.897.480)
12	Tăng chi phí trả trước		(18.957.573.394)	(18.379.763.922)
14	Lãi vay đã trả		(130.409.986.438)	(83.156.970.421)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(100.442.925.014)	(211.474.479.811)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		493.228.099.016	(1.110.273.061.536)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(29.947.442.144)	(8.038.737.584)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		153.593.698	-
23	Tiền chi cho vay		(31.793.380.000)	(23.719.520.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		39.266.756.000	6.400.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		(125.547.086.103)	(307.186.713.069)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền do đơn vị bị thanh lý nắm giữ)		14.860.000.000	-
27	Thu lãi tiền gửi và cổ tức		70.899.355.242	47.549.060.783
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(62.108.203.307)	(284.995.909.870)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	21.1	40.000.000.000	22.000.000.000
32	Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(192.000.000)	(30.000.000)
33	Tiền thu từ đi vay	20	10.592.297.644.705	9.942.637.010.218
34	Tiền trả nợ gốc vay	20	(10.273.567.690.121)	(9.145.283.375.752)
36	Cổ tức đã trả	21.2	(167.072.974.000)	(90.597.556.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		191.464.980.584	728.726.078.466

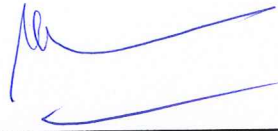
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		622.584.876.293	(666.542.892.940)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		827.783.770.177	1.494.332.170.846
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(5.507.729)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	1.450.368.646.470	827.783.770.177



Trần Quế Tâm
Người lập



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302861742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ("SKHĐT") cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết Số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý ký gởi hàng hóa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 195 - 197 Đường Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại các Thành phố Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 815 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 633).

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty có 10 công ty con trực tiếp và gián tiếp như sau:

Công ty	Trụ sở	Hoạt động kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Lợi ích %	Quyền biểu quyết %	Lợi ích %	Quyền biểu quyết %
(1) Công ty TNHH Một Thành viên Digeworld Venture	Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	100	100	100	100
(2) Công ty TNHH Một Thành viên 1 Digital Technology	Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử	100	100	100	100
(3) Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán hàng tiêu dùng	90,15	90,15	90,15	90,15
(4) Công ty Cổ phần Thương Mại và Sản xuất Bellvina	Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán hàng tiêu dùng	76,99	76,99	76,99	76,99
(5) Công ty TNHH Một Thành Viên Dpharma	Thành phố Hồ Chí Minh	Phân phối dược phẩm	100	100	100	100
(6) Công ty Cổ phần Achison	Thành phố Hồ Chí Minh	Tư vấn và mua bán giải pháp bảo hộ lao động	75	75	60	60
(7) Công ty Cổ phần Việt Money Holdings	Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	72,80	72,80	21,86	21,86
(8) Công ty Cổ phần Việt Money	Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ cầm đồ	72,78	72,85	-	-
(9) Công ty TNHH MTV Giải pháp Bất động sản Việt Land	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản	72,78	72,80	-	-
(10) Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Việt Technologies	Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, gia công phần mềm	72,78	72,80	-	-
(11) Công ty TNHH CSV Healthcare	Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán thực phẩm chăm sóc sức khỏe	-	-	80	80

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Nhóm Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 7 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	1 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Nhóm công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.18 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty, do vậy Ban Tổng Giám đốc đã định rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Hơn nữa, Ban Tổng Giám đốc cũng xác định báo cáo bộ phận của Công ty theo khu vực địa lý dựa theo địa điểm của tài sản là ở Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

4. HỢP NHẤT KINH DOANH

4.1 Mua thêm sở hữu vào công ty con hiện hữu - Công ty Cổ phần Achison ("Achison")

Vào ngày 13 tháng 6 năm 2023, Nhóm Công ty đã mua thêm 15% sở hữu vào Achison, tăng phần sở hữu thành 75% vào ngày này. Giá mua thêm trị giá 39.375.000.000 VND được thanh toán bằng tiền cho các cổ đông không kiểm soát. Giá trị ghi sổ của tài sản thuần của Achison (không bao gồm lợi thế thương mại từ nghiệp vụ mua lần đầu) vào ngày mua là 83.512.090.059 VND, và giá trị ghi sổ của phần sở hữu mua thêm là 12.526.813.509 VND. Chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ của phần sở hữu mua thêm được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

4.2 Mua thêm sở hữu vào công ty liên kết hiện hữu - Công ty Cổ phần Việt Money Holdings ("Việt Money Holdings")

Vào ngày 6 tháng 10 năm 2023, Nhóm Công ty đã mua thêm 50,94% cổ phần của Việt Money Holdings, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0316317980, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 10 tháng 6 năm 2020. Theo đó, Việt Money Holdings trở thành công ty con của Nhóm Công ty và Nhóm Công ty nắm giữ 72,8% quyền biểu quyết trong Việt Money Holdings.

Vào ngày mua, Việt Money Holdings sở hữu các công ty con sau đây:

1. Công ty Cổ phần Việt Money
2. Công ty TNHH MTV Giải pháp Bất động sản Việt Land
3. Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Việt Technologies

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

4.2 Mua thêm sở hữu vào công ty liên kết hiện hữu - Công ty Cổ phần Việt Money Holdings ("Việt Money Holdings") (tiếp theo)

Giá trị hợp lý tạm tính của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Nhóm công ty Việt Money vào ngày mua được trình bày dưới đây:

	<i>VND</i> <i>Giá trị hợp lý tạm tính ghi nhận vào ngày mua</i>
Tài sản	108.188.619.456
Tiền	3.258.773.897
Các khoản phải thu	56.179.120.642
Hàng tồn kho	7.469.669.585
Tài sản cố định hữu hình	546.050.853
Tài sản cố định vô hình	29.493.872.869
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.024.044.250
Tài sản ngắn hạn khác	7.441.853.241
Tài sản dài hạn khác	1.775.234.119
Nợ phải trả	80.037.609.081
Phải trả người bán	345.091.933
Vay	72.335.862.310
Phải trả khác	7.356.654.838
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý tạm tính	<u>28.151.010.375</u>
Cổ đông không kiểm soát (<i>Thuyết minh số 21.1</i>)	(7.657.184.460)
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (<i>Thuyết minh số 15</i>)	106.182.161.370
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	<u>126.675.987.285</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Tiền đã thanh toán</i>	89.200.010.000
<i>Giá trị hợp lý của phần lợi ích được nắm giữ trước đây tại Nhóm công ty Việt Money</i>	37.475.977.285
	<i>VND</i>
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	3.258.773.897
Tiền chi để mua công ty con	(89.200.010.000)
Tổng tiền thuần đã thanh toán cho nghiệp vụ mua	<u>(85.941.236.103)</u>

Tài sản thuần được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên ước tính tạm thời về giá trị hợp lý do Công ty đang trong quá trình đánh giá về giá trị của tài sản và nợ phải của Việt Money Holdings. Việc định giá này vẫn chưa hoàn thành vào ngày báo cáo tài chính hợp nhất được phê duyệt phát hành bởi Ban Tổng Giám đốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND
Tiền mặt	2.096.923.565	601.392.375
Tiền gửi ngân hàng	184.811.807.714	281.098.780.223
Tiền đang chuyển	-	83.027.000
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>1.263.459.915.191</u>	<u>546.000.570.579</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.450.368.646.470</u>	<u>827.783.770.177</u>

(*) Các khoản tương đương tiền vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm:

- khoản tiền gửi tiết kiệm trị giá 300.000.000.000 VND tại công ty chứng khoán có kỳ hạn không quá ba (3) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất áp dụng; và
- các khoản đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp và ngân hàng trị giá 963.459.915.191 VND. Các khoản đầu tư này được cam kết mua lại bởi các công ty chứng khoán trong khoảng thời gian dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 5,2%/ năm đến 6,6%/ năm. Sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty đã bán các khoản đầu tư vào trái phiếu này.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Thương mại Hoàng Hà	200.281.069.672	168.911.423.040
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	140.169.916.930	80.258.767.760
Công ty Cổ phần Hesman Việt Nam	44.034.041.281	126.332.424.597
Khác	<u>1.597.165.066.268</u>	<u>1.120.481.195.123</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.981.650.094.151</u>	<u>1.495.983.810.520</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(10.705.510.850)</u>	<u>(10.429.865.602)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>1.970.944.583.301</u>	<u>1.485.553.944.918</u>
Trong đó:		
<i>Phải thu bên khác</i>	1.969.333.367.779	1.469.954.700.262
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	<u>12.316.726.372</u>	<u>26.029.110.258</u>

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND
Công ty Cổ phần Hợp Nhất	41.872.275.294	-
HP PPS Singapore (Sales) Pte, Ltd.	16.267.725.000	3.759.835.186
Công ty Cổ phần Địa ốc Ngân Hiệp	13.487.921.046	-
Công ty TNHH Công nghệ Huawei	6.092.577.058	6.620.206.708
Acer Incorporated	-	16.883.046.140
Khác	<u>14.504.226.180</u>	<u>10.212.122.529</u>
TỔNG CỘNG	<u>92.224.724.578</u>	<u>37.475.210.563</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên khác	41.528.419.000	-
Phải thu bên liên quan (<i>Thuyết minh số 28</i>)	-	23.719.520.000
TỔNG CỘNG	<u>41.528.419.000</u>	<u>23.719.520.000</u>

8. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	95.491.009.187	64.906.131.168
Dragon Technology Distribution Pte. Ltd.	32.874.099.492	32.874.099.492
Chiết khấu thương mại từ nhà cung cấp	26.833.467.496	18.055.857.722
Tạm ứng cho nhân viên	8.811.648.103	362.407.559
Đặt cọc, ký quỹ	6.245.422.412	1.394.218.556
Khác	20.726.371.684	12.219.547.839
Dài hạn	14.863.131.582	22.404.577.034
Ký quỹ, ký cược	14.863.131.582	22.404.577.034
TỔNG CỘNG	110.354.140.769	87.310.708.202
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(32.874.099.492)	(32.874.099.492)
GIÁ TRỊ THUẬN	<u>77.480.041.277</u>	<u>54.436.608.710</u>

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	2.683.403.306.344	2.758.154.429.431
Hàng mua đang đi đường	416.081.986.263	636.436.857.171
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	34.814.003.156	33.004.574.671
Hàng gửi đi bán	9.176.159.421	17.100.973.705
Công cụ, dụng cụ	9.075.000	-
TỔNG CỘNG	3.143.484.530.184	3.444.696.834.978
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(126.995.928.668)	(190.358.241.356)
GIÁ TRỊ THUẬN	<u>3.016.488.601.516</u>	<u>3.254.338.593.622</u>

Nhóm Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn (*Thuyết minh số 20.1*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	15.516.149.231	27.076.513.096
Chi phí hoạt động	9.593.964.736	19.181.988.282
Chi phí thuê	5.137.011.569	3.418.556.498
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	668.008.735	4.404.638.106
Khác	117.164.191	71.330.210
Dài hạn	20.439.951.286	8.959.419.363
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	8.405.601.792	5.430.535.516
Chi phí hoạt động	6.075.176.856	3.269.891.544
Khác	5.959.172.638	258.992.303
TỔNG CỘNG	<u>35.956.100.517</u>	<u>36.035.932.459</u>

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					VND
Số đầu năm	22.510.497.439	6.627.141.609	37.935.703.825	3.906.843.153	70.980.186.026
Mua mới	-	124.075.989	12.903.498.181	281.082.784	13.308.656.954
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	110.000.000	773.067.000	-	883.067.000
Xóa sổ	-	(59.174.351)	-	(258.475.422)	(317.649.773)
Thanh lý	-	-	(634.545.454)	(224.000.000)	(858.545.454)
Số cuối năm	22.510.497.439	6.802.043.247	50.977.723.552	3.705.450.515	83.995.714.753
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	4.528.459.425	7.288.531.581	2.589.007.140	14.405.998.146
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(12.012.202.372)	(5.658.427.647)	(17.883.902.670)	(3.142.709.838)	(38.697.242.527)
Khấu hao trong năm	(942.092.867)	(606.922.005)	(5.969.862.225)	(206.313.287)	(7.725.190.384)
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	(30.631.947)	(306.384.200)	-	(337.016.147)
Xóa sổ	-	59.174.351	-	246.688.168	305.862.519
Thanh lý	-	-	634.545.454	82.193.556	716.739.010
Số cuối năm	(12.954.295.239)	(6.236.807.248)	(23.525.603.641)	(3.020.141.401)	(45.736.847.529)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	10.498.295.067	968.713.962	20.051.801.155	764.133.315	32.282.943.499
Số cuối năm	9.556.202.200	565.235.999	27.452.119.911	685.309.114	38.258.867.224

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VND
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	58.925.624.022	10.242.673.206	69.168.297.228
Mua mới	-	3.753.703.250	3.753.703.250
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	33.050.874.256	33.050.874.256
Số cuối năm	<u>58.925.624.022</u>	<u>47.047.250.712</u>	<u>105.972.874.734</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	1.543.447.842	2.194.005.963	3.737.453.805
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	-	(5.817.327.599)	(5.817.327.599)
Hao mòn trong năm	-	(3.847.943.942)	(3.847.943.942)
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	(3.557.001.387)	(3.557.001.387)
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>(13.222.272.928)</u>	<u>(13.222.272.928)</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>58.925.624.022</u>	<u>4.425.345.607</u>	<u>63.350.969.629</u>
Số cuối năm	<u>58.925.624.022</u>	<u>33.824.977.784</u>	<u>92.750.601.806</u>

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phần mềm máy tính	<u>14.909.126.190</u>	<u>-</u>

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày như sau:

Hoạt động kinh doanh	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị	Tỷ lệ	Quyền biểu quyết	Giá trị	Tỷ lệ	Quyền biểu quyết
	VND	%	%	VND	%	%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	10.100.104.366	30	30	9.934.867.979	30	30
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Vietnam	8.732.891.517	49,1	25	9.951.720.320	49,1	25
Công ty Cổ phần Việt Money Holdings	-	-	-	42.197.198.330	21,86	21,86
TỔNG CỘNG	18.832.995.883			62.083.786.629		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày như sau:

VND

	Giá trị đầu tư vào			Tổng cộng
	Công ty Cổ phần Việt Money Holdings	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Vietnam	
Giá gốc khoản đầu tư:				
Số đầu năm	50.715.598.727	9.879.000.000	2.945.750.000	63.540.348.727
Chuyển sang công ty con	(50.715.598.727)	-	-	(50.715.598.727)
Số cuối năm	-	9.879.000.000	2.945.750.000	12.824.750.000
Phản lãi (lỗ) lũy kế sau khi mua công ty liên kết:				
Số đầu năm	(8.518.400.397)	55.867.979	7.005.970.320	(1.456.562.098)
Phản lãi (lỗ) từ các công ty liên kết trong năm	(3.480.039.989)	165.236.387	250.915.468	(3.063.888.134)
Chuyển sang công ty con	11.998.440.386	-	-	11.998.440.386
Cổ tức được chia trong năm	-	-	(1.469.744.271)	(1.469.744.271)
Số cuối năm	-	221.104.366	5.787.141.517	6.008.245.883
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	42.197.198.330	9.934.867.979	9.951.720.320	62.083.786.629
Số cuối năm	-	10.100.104.366	8.732.891.517	18.832.995.883

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

VND

	Lợi thế thương mại từ hợp nhất các công ty con			Tổng cộng
	C.L	Achison	Việt Money Holdings	
Nguyên giá:				
Số đầu năm	5.752.799.715	274.466.587.343	-	280.219.387.058
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	106.182.161.370	106.182.161.370
Số cuối năm	5.752.799.715	274.466.587.343	106.182.161.370	386.401.548.428
Phân bổ lũy kế:				
Số đầu năm	(3.164.039.846)	-	-	(3.164.039.846)
Phân bổ trong năm	(575.279.972)	(27.446.658.734)	(2.654.554.034)	(30.676.492.740)
Số cuối năm	(3.739.319.818)	(27.446.658.734)	(2.654.554.034)	(33.840.532.586)
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	2.588.759.869	274.466.587.343	-	277.055.347.212
Số cuối năm	2.013.479.897	247.019.928.609	103.527.607.336	352.561.015.842

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

16.1 Phải trả người bán ngắn hạn

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Apple Việt Nam	544.112.489.312	742.562.669.000
Xiaomi H.K Limited	377.606.456.916	92.174.288.230
Asus Global Pte. Ltd.	156.109.891.004	177.987.134.166
Dell Global B.V (Singapore Branch)	-	55.083.905.216
Khác	451.915.184.405	142.593.218.028
TỔNG CỘNG	1.529.744.021.637	1.210.401.214.640

16.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xiaomi H.K Limited	83.633.572.288	82.372.732.130
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kim Sơn Hà	18.121.800.000	-
Hong Kong Shanghai Maitrox Services Limited	-	275.472.311
Khác	36.765.753.611	13.295.107.263
TỔNG CỘNG	138.521.125.899	95.943.311.704

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN/HIN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	37.448.453.743	91.481.029.554	(100.442.925.014)	8.488.819	28.495.047.102
Thuế giá trị gia tăng	-	3.843.059.871.810	(3.843.059.871.810)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.113.199.968	10.556.896.493	(9.167.485.769)	46.761.925	2.549.372.617
Thuế xuất, nhập khẩu	-	3.214.289.928	(3.200.160.809)	-	14.129.119
Khác	90.124.604	2.681.749.892	(2.572.928.251)	-	198.946.245
TỔNG CỘNG	38.651.778.315	3.950.993.837.677	(3.958.443.371.653)	55.250.744	31.257.495.083

VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chiết khấu thương mại và hỗ trợ bán hàng	220.351.168.945	282.525.676.503
Chi phí hoạt động	8.315.328.908	10.279.032.410
Lãi vay	5.508.359.794	13.706.288.394
Khác	2.727.483.090	-
TỔNG CỘNG	<u>236.902.340.737</u>	<u>306.510.997.307</u>

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	527.159.347.862	287.565.150.342
UPAS L/C (*)	502.415.914.000	257.895.308.000
Chi trả hộ	12.523.927.784	15.826.411.176
Bảo hiểm	2.966.047.136	2.669.376.557
Khác	9.253.458.942	11.174.054.609
Dài hạn	7.768.629.427	5.858.629.427
Nhận ký quỹ, ký cược	7.768.629.427	5.858.629.427
TỔNG CỘNG	<u>534.927.977.289</u>	<u>293.423.779.769</u>

(*) Đây là các khoản phải trả liên quan đến việc mua hàng tồn kho và trong đó một phần được thực hiện dưới hình thức thư tín dụng trả chậm thanh toán ngay (UPAS L/C) phát hành bởi ngân hàng thương mại cổ phần.

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Phân loại lại	Số cuối năm	VND
Vay ngắn hạn	1.914.826.375.993	10.592.297.644.705	(10.242.272.690.121)	52.335.862.310	4.305.000.000	2.321.492.192.887	
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.1)	1.914.826.375.993	10.592.297.644.705	(10.219.132.690.121)	5.995.862.310	-	2.293.987.192.887	
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 20.2)	-	-	-	23.200.000.000	-	23.200.000.000	
Vay cá nhân dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 20.3)	-	-	-	-	4.305.000.000	4.305.000.000	
Vay khác	-	-	(23.140.000.000)	23.140.000.000	-	-	
Vay dài hạn	41.100.000.000	-	(31.295.000.000)	-	(4.305.000.000)	5.500.000.000	
Vay cá nhân (Thuyết minh số 20.3)	41.100.000.000	-	(31.295.000.000)	-	(4.305.000.000)	5.500.000.000	
TỔNG CỘNG	1.955.926.375.993	10.592.297.644.705	(10.273.567.690.121)	52.335.862.310	-	2.326.992.192.887	



Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp nhằm tài trợ nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đến hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	630.786.740.595	Từ ngày 2 tháng 1 năm 2024 đến ngày 27 tháng 3 năm 2024	Từ 3,5 đến 3,8	Tín chấp
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam	509.974.716.265	Từ ngày 2 tháng 1 năm 2024 đến ngày 20 tháng 3 năm 2024	Từ 3,3 đến 4,1	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1	497.682.745.660	Từ ngày 29 tháng 2 năm 2024 đến ngày 4 tháng 4 năm 2024	3,5	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	369.759.819.269	Từ ngày 25 tháng 2 năm 2024 đến ngày 11 tháng 3 năm 2024	3	Tín chấp
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	181.733.710.066	Từ ngày 26 tháng 7 năm 2024 đến ngày 27 tháng 9 năm 2024	3	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn	60.608.470.910	Từ ngày 13 tháng 3 năm 2024 đến ngày 27 tháng 11 năm 2024	Từ 5 đến 6,1	- Tài sản cá nhân của Cổ đông không kiểm soát của Công ty Cổ phần Achison - Một phần hàng tồn kho của Công ty Cổ phần Achison
Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam	14.863.503.600	Ngày 21 tháng 3 năm 2024	4,3	Tín chấp

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn (tiếp theo)

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp này nhằm tài trợ nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đến hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 3	13.003.737.512	Ngày 29 tháng 5 năm 2024	6,3	Tài sản cá nhân của Cổ đông không kiểm soát của Công ty Cổ phần Achison
The Hongkong and Shanghai Banking Corporation Limited (Singapore)	9.577.886.700	Ngày 27 tháng 2 năm 2024	3,8	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	5.995.862.310	Từ ngày 24 tháng 1 năm 2024 đến ngày 30 tháng 1 năm 2024	11,5	Một phần hàng tồn kho của Công ty Cổ phần Việt Money
TỔNG CỘNG	<u>2.293.987.192.887</u>			

20.2 Các khoản vay bên liên quan ngắn hạn

Các khoản vay ngắn hạn từ bên liên quan là các khoản vay tín chấp từ Ông Đoàn Hồng Việt để bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Khoản vay này có thời hạn dưới mười hai (12) tháng, với lãi suất 12,75%/năm. (Thuyết minh số 28)

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.3 Các khoản vay cá nhân dài hạn

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay này nhằm tài trợ nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Cá nhân	Số cuối năm VND	Ngày đến hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Bà Trần Thị Kim Anh				
Khoản vay 1	4.305.000.000	Ngày 1 tháng 10 năm 2024	12	Tài sản cá nhân của cổ đông không kiểm soát của Công ty Cổ phần Achison
Khoản vay 2	1.500.000.000	Ngày 1 tháng 9 năm 2025	12	
Khoản vay 3	4.000.000.000	Ngày 1 tháng 10 năm 2025	12	
TỔNG CỘNG	9.805.000.000			

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả
Vay dài hạn

4.305.000.000
5.500.000.000

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng	VND
Năm trước								
Số đầu năm	885.520.250.000	61.233.761.416	(6.272.937.166)	400.000.000	838.318.380.446	2.085.212.686	1.781.284.667.382	
Phát hành cổ phiếu ESOP	22.000.000.000	-	-	-	-	-	22.000.000.000	
Cổ tức công bố Phát hành cổ phiếu thường	-	-	-	-	(90.597.556.000)	-	(90.597.556.000)	
Mua lại cổ phiếu trong năm	724.779.180.000	-	-	-	(724.779.180.000)	-	-	
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	(30.000.000)	-	-	-	(30.000.000)	
Lợi nhuận (lỗ) thuần trong năm	-	-	-	-	-	27.022.275.104	27.022.275.104	
Số cuối năm	1.632.299.430.000	61.233.761.416	(6.302.937.166)	400.000.000	706.724.931.528	28.926.547.499	2.423.281.733.277	

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Năm nay	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng	VND
Số đầu năm	1.632.299.430.000	61.233.761.416	(6.302.937.166)	400.000.000	706.724.931.528	28.926.547.499	2.423.281.733.277	
Phát hành cổ phiếu ESOP (ii)	40.000.000.000	-	-	-	-	-	40.000.000.000	
Cổ tức công bố (iii)	-	-	-	-	(167.072.974.000)	-	(167.072.974.000)	
Hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	7.657.184.460	7.657.184.460	
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	-	(27.100.579.884)	(12.505.270.116)	(39.605.850.000)	
Mua lại cổ phiếu trong năm (i)	(55.000.000)	-	(137.000.000)	-	-	-	(192.000.000)	
Giải thể công ty con	-	-	-	-	-	219.574.969	219.574.969	
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	354.392.478.066	8.198.656.205	362.591.134.271	
Khác	-	-	-	-	-	(28.366.687)	(28.366.687)	
Số cuối năm	1.672.244.430.000	61.233.761.416	(6.439.937.166)	400.000.000	866.943.855.710	32.468.326.330	2.626.850.436.290	

(i) Vào ngày 14 tháng 4 năm 2022, Hội đồng Quản trị đã thông qua Nghị Quyết số 10/2022/NQ-HĐQT về việc mua lại 3.000 cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động của những nhân viên nghỉ việc để làm cổ phiếu quỹ, với giá mua là 10.000 VND/ cổ phiếu. Vào ngày 12 tháng 5 năm 2022, Công ty đã hoàn thành việc mua lại này.

Vào ngày 23 tháng 3 năm 2023, Hội đồng Quản trị đã thông qua Nghị Quyết số 10/2023/NQ-HĐQT về việc mua lại 2.500 cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động của những nhân viên nghỉ việc để làm cổ phiếu quỹ, với giá mua lại là 10.000 VND/ cổ phiếu. Vào ngày 5 tháng 4 năm 2023, Công ty đã hoàn thành việc mua lại này.

Vào ngày 26 tháng 4 năm 2023, các Cổ đông của Công ty đã thông qua Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ("Nghị quyết 02") về việc giảm vốn cổ phần từ 1.632.299.430.000 VND xuống còn 1.632.244.430.000 VND, do Công ty mua lại 5.500 cổ phiếu nói trên. Theo đó, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 30 do SKHĐT cấp ngày 29 tháng 5 năm 2023, về việc giảm vốn cổ phần của Công ty còn 1.632.244.430.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- (i) Vào ngày 26 tháng 4 năm 2023, các Cổ đông của Công ty đã thông qua Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ("Nghị quyết 02") về việc giảm vốn cổ phần từ 1.632.299.430.000 VND xuống còn 1.632.244.430.000 VND, do Công ty mua lại 5.500 cổ phiếu nói trên. Theo đó, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 30 do SKHĐT cấp ngày 29 tháng 5 năm 2023, về việc giảm vốn cổ phần của Công ty còn 1.632.244.430.000 VND.
- (ii) Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 6 tháng 4 năm 2022, Hội đồng Quản trị đã thông qua Nghị Quyết số 44/2022/NQ-HĐQT ngày 7 tháng 11 năm 2022 và Nghị Quyết số 48/2022/NQ-HĐQT ngày 9 tháng 12 năm 2022 về việc phát hành 4.000.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với giá phát hành là 10.000 VND/ cổ phiếu.
Vào ngày 12 tháng 1 năm 2023, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 4.000.000 cổ phiếu này. Vào ngày 10 tháng 10 năm 2023, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của Công ty. Theo đó, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 31 do SKHĐT cấp ngày 9 tháng 11 năm 2023, về việc tăng vốn cổ phần của Công ty lên 1.672.244.430.000 VND.
- (iii) Căn cứ vào Nghị quyết 02, Hội đồng Quản trị đã thông qua Nghị Quyết số 27/2023/NQ-HĐQT ngày 2 tháng 10 năm 2023 công bố chi trả cổ tức bằng tiền (mỗi cổ đông đang nắm giữ 1 cổ phiếu nhận 1.000 VND) với tổng số tiền là 167.072.974.000 VND.

21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	1.632.299.430.000	885.520.250.000
Phát hành cổ phiếu ESOP	40.000.000.000	22.000.000.000
Giảm vốn	(55.000.000)	-
Phát hành cổ phiếu thường	-	724.779.180.000
Số cuối năm	<u>1.672.244.430.000</u>	<u>1.632.299.430.000</u>
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm		
Cổ tức đã công bố	167.072.974.000	90.597.556.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	167.072.974.000	90.597.556.000

21.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã được duyệt	167.224.443	163.229.943
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	167.224.443	163.229.943
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	167.224.443	163.229.943
Cổ phiếu quỹ	168.169	154.469
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	168.169	154.469
Cổ phiếu đang lưu hành	167.056.274	163.075.474
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	167.056.274	163.075.474

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	18.867.240.821.638	22.107.364.604.910
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	18.437.970.095.822	21.691.769.934.875
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	429.270.725.816	415.594.670.035
Các khoản giảm trừ doanh thu	(49.765.473.917)	(79.229.675.376)
DOANH THU THUẦN	<u>18.817.475.347.721</u>	<u>22.028.134.929.534</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	18.397.531.199.905	21.612.540.259.499
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	419.944.147.816	415.594.670.035

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá	71.108.546.276	79.289.335.109
Lãi trái phiếu	65.827.222.396	40.465.099.168
Chiết khấu thanh toán	47.000.627.015	82.623.905.230
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.342.630.393	5.121.815.696
Khác	6.274.696.000	1.546.462.769
TỔNG CỘNG	<u>194.553.722.080</u>	<u>209.046.617.972</u>

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	16.927.206.650.061	20.018.336.142.234
Giá vốn dịch vụ cung cấp	330.773.174.101	346.702.393.829
TỔNG CỘNG	<u>17.257.979.824.162</u>	<u>20.365.038.536.063</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	943.855.496.764	722.407.497.398
Chi phí hỗ trợ bán hàng	696.747.903.710	530.506.400.422
Chi phí dịch vụ mua ngoài	118.699.892.443	72.846.978.573
Chi phí nhân viên	78.754.859.449	60.930.398.366
Khác	49.652.841.162	58.123.720.037
Chi phí quản lý doanh nghiệp	198.420.426.467	135.818.669.800
Chi phí nhân viên	84.091.765.262	59.634.599.295
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.291.543.430	20.528.790.124
Khác	83.037.117.775	55.655.280.381
TỔNG CỘNG	<u>1.142.275.923.231</u>	<u>858.226.167.198</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	122.212.057.838	94.462.125.254
Lỗ chênh lệch tỷ giá	15.083.623.324	47.936.163.579
Khác	2.076.073.634	1.634.618.363
TỔNG CỘNG	<u>139.371.754.796</u>	<u>144.032.907.196</u>

26. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá mua hàng hóa	17.257.510.674.725	20.362.541.410.166
Chi phí hỗ trợ bán hàng	696.747.903.710	530.506.400.422
Chi phí dịch vụ mua ngoài	183.963.128.481	129.752.737.714
Chi phí nhân viên	162.846.624.711	120.564.997.661
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	42.249.627.066	8.683.235.914
Khác	56.937.788.700	71.029.699.574
TỔNG CỘNG	<u>18.400.255.747.393</u>	<u>21.223.078.481.451</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	90.315.547.901	175.027.749.521
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước	<u>1.165.481.653</u>	<u>139.424.648</u>
	91.481.029.554	175.167.174.169
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	<u>16.497.260.293</u>	<u>3.598.155.250</u>
TỔNG CỘNG	<u>107.978.289.847</u>	<u>178.765.329.419</u>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>470.569.424.118</u>	<u>862.367.676.210</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho các công ty trong Nhóm Công ty	94.113.884.824	172.473.535.242
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Lỗi thuế trong năm chưa ghi nhận thuế hoãn lại tại các công ty con	3.464.765.464	10.118.487.383
Chi phí lãi vay không được trừ	939.278.268	-
Chi phí không được trừ	1.053.582.078	1.325.455.411
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	1.165.481.653	139.424.648
Lợi nhuận chưa ghi nhận thuộc diện nộp thuế TNDN	86.908.342	38.382.872
Lỗi từ công ty liên kết	612.777.627	365.286.213
Phân bổ lợi thế thương mại	6.135.298.548	115.055.994
Khác	<u>406.313.043</u>	<u>(5.810.298.344)</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>107.978.289.847</u>	<u>178.765.329.419</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc của kỳ kế toán năm.

27.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Chi phí phải trả	47.349.499.613	51.174.297.369	(3.824.797.756)	(38.491.675.914)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>25.295.659.364</u>	<u>37.968.121.901</u>	(12.672.462.537)	33.623.264.807
	<u>72.645.158.977</u>	<u>89.142.419.270</u>		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	<u>(2.913.657.080)</u>	<u>(2.913.657.080)</u>	-	1.270.255.857
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			<u>(16.497.260.293)</u>	<u>(3.598.155.250)</u>

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch với Nhóm Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên HĐQT/ Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên HĐQT/ Thành viên Ủy ban Kiểm toán
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH B2X Care Solutions Viset Nam	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Việt Money	Công ty con của công ty liên kết (đến ngày 6 tháng 10 năm 2023)
Công ty TNHH MTV Created Future	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV DHV	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV DKP	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV TOHT	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Việt Money	(*)	Lãi cho vay Cho vay	1.650.104.167 -	96.104.167 35.000.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Công ty liên kết	Bán hàng hóa Trả nợ vay Cung cấp dịch vụ Lãi cho vay Cho vay	62.117.589.189 3.719.520.000 594.774.200 423.630.144 -	68.060.484.212 - - 318.018.960 6.048.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Vietnam	Công ty liên kết	Cổ tức đã nhận	1.469.744.271	681.846.283
Công ty TNHH B2X Care Solutions Việt Nam	Công ty con của công ty liên kết	Mua dịch vụ Cung cấp dịch vụ	36.000.000 18.333.334	- 164.500.000

(*) Công ty liên kết đến ngày 6 tháng 10 năm 2023

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Việt Money	Công ty liên kết	Cho vay	-	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Công ty liên kết	Cho vay	-	3.719.520.000
			-	23.719.520.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ và hàng hóa	12.316.726.372	26.029.110.258
Vay ngắn hạn				
Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch	Vay	23.200.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ủy Ban Kiểm toán Nội bộ như sau:

Tên	Chức vụ	Thù lao	
		Năm nay	Năm trước
Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch	178.033.000	199.683.000
Bà Đặng Kiên Phương	Tổng Giám đốc	174.809.000	193.430.000
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc	174.809.000	193.430.000
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên độc lập	120.000.000	120.000.000
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên độc lập	120.000.000	120.000.000
TỔNG CỘNG		767.651.000	826.543.000

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	354.392.478.066	683.783.287.082
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (*)	163.982.109	162.068.426
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND/cổ phiếu)	2.161	4.219

(*) Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân cho năm trước đã được điều chỉnh lại để phản ánh việc phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đã thực hiện trong năm nay.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm nay và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

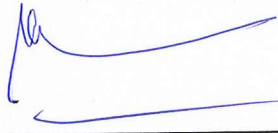
	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	56.034.893.024	43.351.134.812
Từ 1 đến 5 năm	132.268.625.279	101.912.935.671
Trên 5 năm	6.901.269.606	3.106.139.400
TỔNG CỘNG	<u>195.204.787.909</u>	<u>148.370.209.883</u>

31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Trần Quế Tâm
Người lập



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

